TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Số 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2023
V/v Yêu cầu ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng.
Ông Nguyễn Văn Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Khuê, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "*Yêu cầu ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa:

** Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1986, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
** Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1984, vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông H1 chung sống như vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện năm 2013 mới đăng ký kết hôn, giấy đăng ký kết hôn số 10 ngày 22/4/2013 do ủy ban nhân dân xã L cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp M, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào khoảng thời gian năm 2020, nguyên nhân do ông H1 ham mê cờ bạc, đá gà không quan tâm gia đình vợ con, mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể sống chung nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Về con chung có 01 người tên Nguyễn Trần Thu T, sinh ngày 07/8/2013 tình trạng sức khỏe bình thường hiện đang sống cùng bà H

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H1; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H1 cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ; Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 vắng mặt tại phiên toà, trong quá trình thụ lý vụ án không triệu tập được ông H1 nên không thu thập được lời khai để biết được ý kiến của ông H1 đối với yêu cầu của bà H.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành, không tham gia phiên hòa giải và xét xử.

- Về nội dụng vụ án: Căn cứ vào chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

*[1]Về tố tụng***:** Bà Trần Thị Thu H yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông Nguyễn Thanh H1 có đăng ký thường trú tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H với ông H1 là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa bà H với ông H1 xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, theo bà H là do ông H1 ham mê cờ bạc, không quan tâm gia đình, vợ con. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, vợ chồng có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Từ ngày thụ lý yêu cầu của bà H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông H1 không đến Tòa án, không cung cấp bản khai, không có ý kiến để xác định lời trình bày của bà H về tình trạng hôn nhân có đúng hay không. Hiện nay ông H1 có đăng ký thường trú và đang sống tại khu phố Phước Trung, thị trấn Đất Đỏ, nhưng không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng pH1 qua niêm yết, ông H1 không hợp tác đến tòa, điều này cho thấy ông H1 không còn tha thiết gì về quan hệ vợ chồng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải hàn gắn. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, hiện tại nơi cư trú bà H, ông H1 không còn sống chung. Như vậy, lời trình bày của bà H về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu H.

[3]Về nuôi con chung: Bà H với ông H1 có một người con chung tên Nguyễn Trần Thu T, sinh ngày 07/8/2013 hiện đang sống cùng bà H, từ ngày sống ly thân bà bà H nuôi dưỡng, bà H có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, nên chấp nhận giao con chung cho bà

H nuôi dưỡng, buộc ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn, ông H1 phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[6]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu H, bà H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H1.

2/- Về con chung: Bà Trần Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thu T, sinh ngày 07/8/2013, buộc ông Nguyễn Thanh H1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 01/08/2023.

Sau khi ly hôn bà H, ông H1 đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông H1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3/-Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/-Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010158 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ; ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- CCTHADS;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến